CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
DANANG PHARMACEUTICAL- MEDICAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY
DAPHARCO
Head Office:
02 Phan Dinh Phung St.,
Hai Chau Dist., Danang City - Vietnam
Tel : (84.511) 822247 - 821642 - 817212
Fax: (84.511) 891752
E.mail: dapharco@vnn.vn
Website: dapharco.com.vn

Dapharco – Sự hợp tác lâu dài !

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2014 – ĐÃ ĐƯỢC AISC KIỂM TOÁN

(CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TBYT ĐÀ NẴNG)

I- TÀI SẢN

(Đơn vị tính : VNĐ)

TT	TÀI SẢN	01/01/2014	31/12/2014
I	**Tài sản ngắn hạn**	**804.030.343.755**	**845.062.903.589**
1	Tiền & các khoản tương đương	128.594.004.923	136.416.911.088
2	Khoản phải thu ngắn hạn	582.158.063.969	591.250.563.044
3	Hàng tồn kho	84.921.663.619	110.480.794.091
4	Tài sản ngắn hạn khác	8.356.611.244	6.914.635.366
II	**Tài sản dài hạn**	**34.949.264.377**	**35.199.495.799**
1	Khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	33.574.412.982	33.975.763.072
	- Tài sản cố định hữu hình	11.927.395.816	12.237.873.204
	- Tài sản cố định vô hình	21.601.907.166	21.501.061.310
	- Chi phí XDCB dở dang	45.110.000	236.828.558
3	Đầu tư tài chính dài hạn	1.180.000.000	1.180.000.000
4	Tài sản dài hạn khác	194.851.395	43.732.727
	CỘNG TÀI SẢN	**838.979.608.132**	**880.262.399.388**

II- NGUỒN VỐN

(Đơn vị tính : VNĐ)

TT	NGUỒN VỐN	01/01/2014	31/12/2014
I	**Nợ phải trả**	**760.525.233.086**	**786.643.104.052**
1	Nợ ngắn hạn	760.525.233.086	786.643.104.052
2	Nợ dài hạn	0	0
II	**Vốn chủ sở hữu**	**78.454.375.046**	**93.619.295.336**
1	Vốn chủ sở hữu	78.454.375.046	93.619.295.336
	- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	28.000.000.000	50.400.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	15.810.000.000	14.268.238.634
	- Vốn khác của Chủ sở hữu	12.458.238.634	2.334.190.178
	- C/lệch tỉ giá hối đoái	0	0
	- Quỹ đầu tư phát triển	7.127.172.954	7.758.595.906
	- Quỹ dự phòng tài chính	2.430.504.424	3.061.927.376
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.628.459.034	15.796.343.242
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
	CỘNG NGUỒN VỐN	**838.979.608.132**	**880.262.399.388**

III- BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD 2014 - KẾ HOẠCH SXKD 2015

(Đơn vị tính : VNĐ)

Số TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2013	NĂM 2014		TH 2014 SO VỚI		KẾ HOẠCH 2015
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TH 2013	KH 2014	
1	Tổng doanh thu	2.031.301.797.937	2.000.000.000.000	1.983.593.175.712	-2,35%	-0,82%	2.000.000.000.000
2	Tổng LN trước thuế	17.072.529.294	16.000.000.000	20.303.213.195	+18,90%	+26,90%	20.000.000.000
3	Thuế thu nhập DN	4.444.070.260	3.520.000.000	4.506.869.953	+1,40%	+28,00%	4.400.000.000
4	LN sau thuế TNDN	12.628.459.034	12.480.000.000	15.796.343.242	+25,10%	+26,60%	15.600.000.000
5	Lãi cơ bản trên CP	4.510	2.476	4.218	-6,47%	+70,40%	3.095

IV- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN 2014

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
1	**CƠ CẤU TÀI SẢN**			
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	**4,17**	**4,00**
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	**95,83**	**96,00**
2	**CƠ CẤU NGUỒN VỐN**			
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	**90,65**	**89,36**
	- Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	**9,35**	**10,64**
3	**KHẢ NĂNG THANH TOÁN**			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	**0,17**	**0,17**
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	**1,06**	**1,07**
4	**NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG**			
	- Vòng quay vốn	Lần	**19,58**	**20,30**
	- Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	%	**2,53**	**2,31**
5	**KHẢ NĂNG SINH LỜI**			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bq	%	**1,58**	**1,84**
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	**0,62**	**0,79**
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH bq	%	**16,78**	**18,18**
	- Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động KD/DT thuần	%	**0,72**	**0,99**